

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;

Bà Thị Amina.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt,

- Bị đơn: Anh **Dương Tấn T**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh T sống chung vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An năm 1999. Việc chị và anh T sống chung với nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không còn hạnh phúc nữa; nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu say về gây gổ, xô xát với chị và các con. Hiện tại chị và anh T đã ly thân từ năm 2016 cho đến

nay. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung gồm Dương Trọng Kha, sinh ngày 28/6/1993; Dương Bá Mộng, sinh ngày 20/1/1995 và Dương Đắc Lợi, sinh ngày 01/6/2001; cháu Kha, cháu Mộng đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, riêng cháu Lợi còn nhỏ, hiện đang sống với chị. Đối với cháu Kha và cháu Mộng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lợi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 3 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Tấn T trình bày:

Chị G trình bày về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, anh không có ý kiến trình bày bổ sung. Về mâu thuẫn hôn nhân: Anh thừa nhận khoảng hai năm trước anh có uống rượu và xô xát với chị G nhưng hai năm nay vợ chồng sống ly thân anh không còn xô xát với chị G nữa, nguyên nhân mâu thuẫn giữa của vợ chồng anh là do chị G thường xuyên bỏ nhà đi. Ngoài ra, mâu thuẫn còn do khoảng 04 năm trước chị G có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị G và vì thương con nên không đồng ý ly hôn với chị G.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị G ly hôn:

Về con chung anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị G, cháu Lợi có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; cháu Kha và cháu Mộng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Dương Tấn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Dương Đắc Lợi, sinh ngày 01/6/2001 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Dương Tấn T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Dương Tấn T chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 02 tháng 8 năm 1999, Giấy đăng ký kết hôn số 60, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là về lối sống, được cả chị G và anh T thừa nhận. Anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ, xô xát với chị G. Chị G trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với anh T nên yêu cầu ly hôn, anh T cho rằng hiện mâu thuẫn không còn nữa do anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và anh còn tình cảm với chị G nên không đồng ý ly hôn. Căn cứ các biên bản xác minh ngày 08 tháng 05 năm 2018 (tại các bút lục số 33, 33a) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị G và anh T đã phát sinh và kéo dài nhiều năm, không thể giải quyết được nên chị G bỏ về nhà mẹ sống và ly thân với anh T từ năm 2016 cho đến nay, hiện tại mục đích của hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị G được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Dương Tấn T có 03 con chung tên: Dương Trọng Kha, sinh ngày 28/6/1993; Dương Bá Mộng, sinh ngày 20/1/1995 và Dương Đắc Lợi, sinh ngày 01/6/2001. Chị G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Đắc Lợi và anh T đồng ý. Hiện tại, chị G đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lợi; hơn nữa cháu Lợi có nguyện vọng được sống chung với chị G nên giao cháu Lợi cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Con chung Dương Trọng Kha, sinh ngày 28/6/1993; Dương Bá Mộng, sinh ngày 20/1/1995 hiện đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được, chị G và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Dương Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận con chung Dương Trọng Kha, sinh ngày 28/6/1993; Dương Bá Mộng, sinh ngày 20/1/1995 đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được, chị G và anh T không yêu cầu giải quyết.

Giao con chung Dương Đắc Lợi, sinh ngày 01/6/2001 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị G và anh Dương Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị G đã nộp theo biên lai thu số 0025283 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Tân Châu;
- THA-DS H. Tân Châu;
- UBND xã Bình Hòa Bắc, H. Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Xuân Lan